

Bản án số: 64/2023/HS-ST

Ngày 25-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình

2. Bà Đào Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25-7-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2023/TLST-HS ngày 23-6-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HS ngày 12-7-2023, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị T; có vợ Hoàng Thị L và 03 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1991; nhân thân Bản án số 80b, ngày 16/10/1987 của Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã thi hành xong hình phạt tù, các thông tin về thi hành án dân sự của bản án trên không còn lưu trữ. Bản án số 1112, ngày 20/8/1993 của Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thi hành xong hình phạt tù ngày 28/01/1995, thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm, hình sự phúc thẩm ngày 13/4/1994, về khoản tiền bồi thường dân sự đã hết thời hạn yêu cầu thi hành án người được thi hành án chưa có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 11/12/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/1998, thi hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm ngày 21/10/1999. Ngày 18/5/2004, bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, chấp hành xong ngày 18/5/2004. Bản án số 48/2011/HSST, ngày 19/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện

H xử phạt 6.000.000 đồng về tội Đánh bạc, chấp hành xong ngày 27/10/2011. Bản án số 67/2011/HSST, ngày 01/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 7.000.000 đồng về tội Đánh bạc, chấp hành xong ngày 20/9/2016. Ngày 18/6/2019, bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, chấp hành xong ngày 19/6/2019.

Tiền án: Bản án số 02/2022/HS-ST, ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/6/2022, chấp hành xong khoản tiền án phí, tiền phạt sung quỹ Nhà nước vào ngày 10/4/2023; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 07/4/2023 (Có mặt).

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H; có vợ Phạm Thị B và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; Nhân thân: Tháng 3/2008 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam đến tháng 8/2009 trở về địa phương lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 07/4/2023 (Có mặt).

3. Phạm Văn Đ, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Thị X; có vợ Phạm Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 07/4/2023 (Có mặt).

4. Phạm Văn Th, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân M là người có công với Cách mạng, tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hiện nay đang được hưởng chế độ dành cho người bị nhiễm chất độc hóa học Dioxin và bà Bùi Thị H; có vợ Nguyễn Thúy L và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Nhân thân: Bản án số 64/2015/HSST ngày 23/10/2015 của bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 4 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”; chấp hành xong hình phạt tù cho hưởng án treo ngày 15/11/2016, chấp hành xong tiền án phí, tiền phạt sung

quỹ nhà nước tháng 9/2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 07/4/2023 (Có mặt).

5. Phạm Quang T1, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang T và Phạm Thị L; có vợ Đỗ Thị D và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Nhân thân: ông nội là người có công với cách mạng, bác ruột là liệt sỹ; Bản án số 75/2015/HSST, ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 6.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt tiền và tiền án phí tháng 9/2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 07/4/2023 (Có mặt).

6. Phạm Ý Ch, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức Th và bà Phạm Thị M; có vợ Lê Thị H và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 07/4/2023 (Có mặt).

Người có quyền lợi liên quan: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1952.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 05/4/2023, Phạm Văn Th, Phạm Văn H, cùng trú tại: thôn X, xã Đ, huyện H; Phạm Quang T1, Phạm Ý Ch, Nguyễn Văn T, cùng trú tại: thôn Ph, xã Đ, huyện H đến nhà thờ họ Phạm của gia đình bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1931 ở thôn X, xã Độc Lập, huyện H, tỉnh Thái Bình thắp hương cúng thanh minh. Khi đến, thấy nhà bà Th không có ai nên những người trên đã rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền. Phạm Văn H đến cửa hàng tạp hóa của bà Vũ Thị G ở thôn Long Nãi, xã Đ, huyện H mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân với giá 10.000 đồng mang về gian phòng bếp nhà thờ của gia đình bà Th (có chiếu trải sẵn trên nền nhà) cùng Th, Ch, T và T1 đánh bạc, hình thức đánh “Liêng”. Các bị cáo quy định: Trước mỗi ván chơi, mỗi người chơi đặt cược 20.000 đồng (góp gà) và

được chia 03 quân bài, lên bài, theo hoặc tổ thêm tiền cược tối đa là 200.000 đồng hoặc bỏ bài, sau đó mở bài cộng điểm. Giá trị các lá bài nhỏ nhất là 2, cao nhất là A. To nhất là “sáp” (03 quân bài cùng số hoặc chữ), nếu ai được bài sáp thì mỗi người chơi còn lại phải trả cho người được sáp số tiền 100.000 đồng; sau đó đến “đồng hoa” (03 quân bài có giá trị liên tiếp đồng chất), ai được đồng hoa thì mỗi người chơi còn lại phải trả cho người được đồng hoa số tiền 60.000 đồng; người được sáp phải bỏ ra số tiền 100.000 đồng, ai được đồng hoa phải bỏ ra số tiền 60.000 đồng để mua thuốc, nước cho những người đánh bạc. Nếu ván bài không có ai được sáp hay đồng hoa thì tính điểm của 03 lá bài được chia cộng lại; bài ai được điểm cao nhất thì thắng toàn bộ số tiền của những người đã tham gia đặt cược, được chia bài và “tổ” đầu tiên của ván tiếp theo. Điểm trong bộ bài 52 quân được tính như sau: cao nhất là 9, thấp nhất là 0 (các lá bài có số từ 2 đến 9 tính theo điểm tương ứng với số, lá bài A tính 1 điểm, các lá bài 10, J, Q, K tính 0 điểm).

Các bị cáo đánh bạc được khoảng 15 phút thì Phạm Văn Đ trú tại thôn Ph, xã Đ, huyện H đến nhà thờ thắp hương cúng thanh minh, sau đó cùng tham gia chơi đánh bạc. Quá trình các bị cáo đánh bạc không có ai thu tiền hồ, không cho vay tín dụng. Đến 14 giờ cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc bị Công an huyện H phát hiện và bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân; số tiền 4.650.000 đồng; 01 chiếc ví giả da (của Phạm Văn H) bên trong có số tiền 120.000 đồng sử dụng đánh bạc; thu trên mâm cạnh chiếu bạc số tiền 200.000 đồng (là tiền của T và Ch được sáp nên bỏ ra mua thuốc, nước); thu giữ trên người các bị cáo 04 chiếc ví bên trong có tổng số tiền 20.120.000 đồng (trong đó thu của Nguyễn Văn T 7.500.000 đồng, Phạm Văn Th 4.010.000 đồng, Phạm Văn Đ 7.500.000 đồng, Phạm Quang T1 1.100.000 đồng, Phạm Ý Ch 10.000 đồng) sử dụng vào việc đánh bạc; 02 chiếc chiếu nhựa. Tổng số tiền xác định sử dụng vào việc đánh bạc là 25.090.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 46/CT-VKSHH ngày 22-6-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch ra trước Tòa án nhân dân huyện H để xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: về số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cụ thể như sau: Nguyễn Văn T mang theo 8.400.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 7.500.000 đồng; Phạm Văn Đ mang theo 7.700.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 7.500.000 đồng; Phạm Văn Th mang theo

4.570.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 4.010.000 đồng; Phạm Quang T1 mang theo 1.400.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 1.100.000 đồng; Phạm Văn H mang theo 720.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 120.000 đồng; Phạm Ý Ch mang theo 520.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 10.000 đồng.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản Cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn Th từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Quang T1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Ý Ch từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 của BLHS; phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch mỗi bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước. Không đề nghị phạt bổ sung đối với bị cáo Hiên.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 02 chiếc chiếu nhựa đều đã qua sử dụng. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 25.090.000 đồng (Trong đó thu trên chiếu bạc là 4.650.000 đồng, thu trên mâm cạnh chiếu bạc số tiền 200.000 đồng, quản lý của Phạm Văn H 120.000 đồng, Nguyễn Văn T 7.500.000 đồng, Phạm Văn Th 4.010.000 đồng, Phạm Văn Đ 7.500.000 đồng, Phạm Quang T1 1.100.000 đồng, Phạm Ý Ch 10.000 đồng); trả lại các bị cáo H, T, Đ, Th và T1 mỗi bị cáo 01 chiếc ví giả da đều đã qua sử dụng; Các bị cáo T, Đ, Th, T1 và Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, do bị cáo H là người cao tuổi; có đơn xin miễn tiền án phí, tiền phạt nên đề nghị miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H. Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch đều không có tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của BLTTHS.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản vụ việc (Bút lục từ số 01 đến số 03); Các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (Bút lục từ số 04 đến số 16); Bản Kết luận giám định số 644/KL-KTHS ngày 15/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: các tờ tiền gửi giám định là tiền thật (Bút lục từ số 112 đến số 114); Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến là ông Nguyễn Văn H (Bút lục từ số 371 đến số 374); lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phạm Văn H1 là con trai bà Nguyễn Thị Th (bà Th đã chết) (Bút lục từ số 363 đến số 370). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 14 giờ ngày 05/4/2023, tại gian phòng bếp nhà thờ họ Phạm của gia đình bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1931 ở thôn X, xã Độc Lập, huyện H, tỉnh Thái Bình; Phạm Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Liêng” bằng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân. Tổng số tiền xác định sử dụng vào việc đánh bạc là 25.090.000 đồng. Hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321: Tội đánh bạc.

“ 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng các hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích tư lợi trái pháp luật, các bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, hiểu được hậu quả của việc đánh bạc là tệ nạn xã hội, sát phạt nhau bằng tiền, bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn thực

hiện hành vi phạm tội của mình. Vụ án có sự đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia đánh bạc, bị cáo Phạm Văn H là người có nhân thân xấu, chuẩn bị bộ bài làm công cụ sử dụng đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 720.000 đồng nên giữ vai trò đầu vụ; các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ sử dụng 8.400.000 đồng và 7.700.000 đồng đánh bạc nên giữ vai trò thứ hai; các bị cáo Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 đều có nhân thân xấu, sử dụng 4.570.000 đồng và 1.400.000 đồng đánh bạc nên giữ vai trò thứ ba; bị cáo Phạm Ý Ch sử dụng 520.000 đồng đánh bạc nên giữ vai trò cuối trong vụ án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Bị cáo Phạm Văn H bị áp dụng tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1, Phạm Ý Ch không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Ý Ch phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 thành khẩn khai báo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Văn H, Phạm Văn Th có bố đẻ là người có công với cách mạng, gia đình bị cáo Phạm Quang T1 là gia đình có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Văn T có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam, nên các bị cáo H, Th, T1 và T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T, Đ và Ch có nhân thân tốt. Các bị H, Th và T1 có nhân thân xấu.

[6] Từ những nhận xét trên, xét thấy đối với bị cáo Hiền cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt, cách ly các bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo T, Đ, Th, T1 và Ch chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, Đ, Th, T1 và Ch, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H vì bị cáo là người cao tuổi.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân, 02 chiếc chiếu nhựa là những công cụ được các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị

sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy. Số tiền 25.090.000 đồng (Trong đó thu trên chiếu bạc là 4.650.000 đồng, thu trên mâm cạnh chiếu bạc số tiền 200.000 đồng, quản lý của Phạm Văn H 120.000 đồng, Nguyễn Văn T 7.500.000 đồng, Phạm Văn Th 4.010.000 đồng, Phạm Văn Đ 7.500.000 đồng, Phạm Quang T1 1.100.000 đồng, Phạm Ý Ch 10.000 đồng) số tiền trên các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nên tịch thu để nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 05 chiếc ví là tài sản của các bị cáo H, Th, Đ, T1 và T, nên cần trả lại cho các bị cáo.

[8] Quá trình điều tra xác định: Trưa ngày 05/4/2023, khi các bị cáo đánh bạc trái phép được thua bằng tiền tại gian phòng bếp nhà thờ họ Phạm của gia đình bà Nguyễn Thị Th (bà Th đã chết), gia đình bà Th không có ai nhà, không biết, không được hưởng lợi ích gì từ việc đánh bạc của các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý là đúng quy định.

Đối với bà Vũ Thị G là người bán bộ bài lơ khơ 52 quân cho Phạm Văn H vào trưa ngày 05/4/2023, sau đó H sử dụng bộ bài trên đánh bạc trái phép được thua bằng tiền. Khi bán bộ bài tú lơ khơ trên, bà G không biết H sử dụng bộ bài để đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý gì đối với bà G là có căn cứ.

[9] Các bị cáo T, Đ, Th, T1 và Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H vì bị cáo là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn H **01 năm 07 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **01 năm 03 tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ **01 năm 03 tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn Th **01 năm 06 tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Quang T1 **01 năm 06 tháng** tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Ý Ch **01 năm** tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 của BLHS; phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch mỗi bị cáo 7.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn H.

Giao các bị cáo T, Đ, Th, T1 và Ch cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu để tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 02 chiếc chiếu nhựa, đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 25.090.000 đồng (Trong đó thu trên chiếu bạc là 4.650.000 đồng, thu trên mâm cạnh chiếu bạc số tiền 200.000 đồng, quản lý của Phạm Văn H 120.000 đồng, Nguyễn Văn T 7.500.000 đồng, Phạm Văn Th 4.010.000 đồng, Phạm Văn Đ 7.500.000 đồng, Phạm Quang T1 1.100.000 đồng, Phạm Ý Ch 10.000 đồng)

3.3. Trả lại 05 chiếc ví giả da đều đã qua sử dụng cho các bị cáo H, T, Đ, Th và T1 (Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo T, Đ, Th, T1 và Ch mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hiền.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo H, T, Đ, Th, T1 và Ch có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS Hưng Hà;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhàn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Hà, ngày 25 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và bà Đào Thị Thu Hằng.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2023/TLST-HS ngày 23-6-2023 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn H**, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

4. **Phạm Văn Th**, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

5. **Phạm Quang T1**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

6. **Phạm Ý Ch**, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: thôn Ph, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn H, Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn H **01 năm 07 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **01 năm 03 tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ **01 năm 03 tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Văn Th **01 năm 06 tháng** tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Quang T1 **01 năm 06 tháng** tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của BLHS; xử phạt bị cáo Phạm Ý Ch **01 năm** tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 của BLHS; phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn Th, Phạm Quang T1 và Phạm Ý Ch mỗi bị cáo 7.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn H.

Giao các bị cáo Tú, Đắc, Thành, Toán và Chí cho UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu để tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 02 chiếc chiếu nhựa, đã qua sử dụng.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 25.090.000 đồng (Trong đó thu trên chiếu bạc là 4.650.000 đồng, thu trên mâm cạnh chiếu bạc số tiền 200.000 đồng, quản lý của Phạm Văn H 120.000 đồng, Nguyễn Văn T 7.500.000 đồng, Phạm Văn Th 4.010.000 đồng, Phạm Văn Đ 7.500.000 đồng, Phạm Quang T1 1.100.000 đồng, Phạm Ý Ch 10.000 đồng)

3.3. Trả lại 05 chiếc ví giả da đều đã qua sử dụng cho các bị cáo Hiền, Tú, Đắc, Thành và Toán (Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản lý).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo Tú, Đắc, Thành, Toán và Chí mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hiền.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Hiền, Tú, Đắc, Thành, Toán và Chí có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hải vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 25-7-2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA